

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2022/DS-ST

Ngày: 30/6/2022

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Cẩm Xuyên**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Văn Hoàng**;

2. Ông **Nguyễn Văn Hòa**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Đào Công Minh** – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà **Phan Thị Dáng Hương** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: **99/2022/ TLST- DS ngày 07/4/2022 về việc "Hợp đồng mua bán"** theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2022/QĐXXST-DS ngày 27/5/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 131/2022/QĐST-DS ngày 14/6/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Lê Minh T**, sinh 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Hậu Phú 1, xã Hậu Mỹ Bắc A, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Số điện thoại: 0989882473.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Tấn P**, sinh năm 1981, địa chỉ: số 925A, đường Võ Thị Sáu, phường Mỹ Xuyên, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Số điện thoại: 0918555850 (có mặt)

2. Bị đơn: Ông **Trần Thanh G**, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Hòa Tây A, xã Phú Thuận, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Số điện thoại: 0989882473

3. Người làm chứng: Ông **Phạm Thanh H**, sinh năm 1980 (vắng mặt – có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Thới Thạnh, phường Mỹ Thạnh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Số điện thoại 0915244909.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lê Minh T do ông Nguyễn Tấn P là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Ông Lê Minh T làm nghề thu mua lúa và bán lại cho người khác để lấy lời, từ tháng 7/2021 ông T bắt đầu làm ăn với ông Trần Thanh G. Hai bên không có làm hợp đồng chỉ thỏa thuận miệng, cụ thể: ông T đi thu mua lúa tươi và bán lại cho ông G, ông G sấy lúa và bán lại cho người khác; ông G phải thanh toán tiền ngay sau khi nhận lúa. Thời gian đầu ông G làm ăn rất uy tín, nhưng đến lần mua lúa ngày 10/11/2021, với số tiền mua lúa là 548.800.000 đồng thì ông T không trả tiền ngay như thỏa thuận mà xin nợ lại 2,3 ngày sau mới thanh toán do chưa chuẩn bị đủ tiền. Đến ngày 12/01/2022, nhận thấy đã đòi nhiều lần nhưng ông G vẫn chưa trả tiền nên ông T yêu cầu ông G phải làm Giấy công nợ, cụ thể: Ông G tự viết và ký vào Giấy công nợ, thừa nhận còn nợ ông T là 548.800.000 đồng, ông G phải chịu lãi chậm trả 3%/tháng, thời gian thanh toán là 200.000.000 đồng/tháng, hứa khi bán đất sẽ trả hết nợ gốc và lãi, nếu không thanh toán sẽ bị kiện hình sự chiếm đoạt vốn của ông T. Khi làm biên nhận nợ có người làm chứng anh Trần Thanh Phong chứng kiến và ký xác nhận vào Giấy công nợ. Tuy nhiên, sau đó ông G lại trốn tránh nghĩa vụ trả nợ dù ông T đã liên hệ đòi nhiều lần.

Tại đơn khởi kiện, ông Lê Minh T yêu cầu ông Trần Thanh G có trách nhiệm trả cho ông số tiền nợ mua lúa là 548.800.000 đồng, trong đó nợ gốc là 548.800.000 đồng và lãi suất phát sinh 18%/năm tính từ ngày 12/01/2022 đến ngày xét xử (30/6/2022).

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Minh T vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Tấn P có mặt và xin rút lại một phần yêu cầu tính lãi, chỉ yêu cầu tính lãi 10%/năm tính từ ngày 12/01/2022 đến ngày xét xử (30/6/2022).

Bị đơn ông Trần Thanh G đã được Tòa án thực hiện việc cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để bị đơn thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình cũng như trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, nhưng ông Trần Thanh G vẫn vắng mặt không tham gia tố tụng và không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình nên không ghi nhận được ý kiến của ông.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 25/4/2022, người làm chứng ông Phạm Thanh H trình bày: Ông T và ông H làm ăn với ông G từ tháng 7/2021. Hợp đồng giữa ông H với ông G và giữa ông T với ông G không có liên quan với nhau chỉ là làm hợp đồng cùng lúc. Các bên khi mua bán lúa không có làm hợp đồng nhưng ông H và Tân có thỏa thuận miệng riêng với Giang. Ông T và ông H đi mua lúa và bán lại lúa cho ông G, ông G sấy khô và bán lại cho người khác. Nhưng khi ông H và ông T giao lúa xong ông G lại không trả tiền cho

họ. Sau khi chột nợ thì ông G còn nợ tiền lại ông T là 548.800.000 đồng, nợ ông H là 82.260.000 đồng. Ông H đã khởi kiện ông G bằng một vụ kiện khác. Ngày 12/01/2022, ông H, ông T và ông G gặp nhau ở siêu thị Nguyễn Huệ, Long Xuyên. Hai bên ông T và ông G có làm giấy Công nợ cùng ngày và cùng thống nhất ký tên, có sự chứng kiến của ông H. Ông H cam kết lời khai trên là sự thật nếu có gian dối sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu kiến: Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân thủ đúng quy định pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu tính lãi 8%/năm (18%/năm – 10%/năm) từ ngày 12/01/2022 đối với số tiền nợ gốc 548.800.000 đồng của nguyên đơn do đại diện nguyên đơn đã rút. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn ông Trần Thanh G có trách nhiệm trả cho nguyên đơn ông Lê Minh T số tiền nợ gốc là 548.800.000 đồng, tiền lãi chậm trả tính từ ngày 12/01/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (30/6/2022) là 10%/năm. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tại đơn khởi kiện nguyên đơn có yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về Hợp đồng mua bán, do đó tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp Hợp đồng mua bán. Bị đơn có địa chỉ cư trú trên địa bàn huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa bị đơn ông Trần Thanh G đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không lý do; Nguyên đơn ông Lê Minh T vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Tấn P có mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 86, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông T và ông G.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét tính hợp pháp của Hợp đồng mua bán và yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền nợ gốc: Giấy công nợ ngày 12/01/2022 do ông T xuất trình có chữ ký và chữ viết họ và tên “Trần Thanh G” của bị đơn ông Trần Thanh G, người làm chứng ông Phạm Thanh H cũng khẳng định Giấy công nợ trên là do ông G tự viết và thống nhất ký tên. Ông Trần Thanh G vắng mặt và không có

văn bản gì thể hiện ý kiến đối với Giấy công nợ trên nên việc ông G còn nợ ông T số tiền 548.800.000 đồng là có thật và theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là việc không cần phải chứng minh, có cơ sở xác định giữa ông T và ông Trần Thanh G có xác lập hợp đồng mua bán lúa tươi. Hợp đồng mua bán này của ông T và ông Trần Thanh G, là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự giao kết hợp đồng, xác lập trên cơ sở tự nguyện, nội dung không vi phạm điều cấm và không trái pháp luật; hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên hợp đồng này là hợp pháp theo quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, các bên phải thực hiện đúng nghĩa vụ của mình đã giao kết.

Ông G đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ nên ông T khởi kiện yêu cầu ông G trả tiền số tiền nợ gốc là 548.800.000 đồng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi đến thời điểm Tòa án xét xử của nguyên đơn:

Tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi đối với số nợ gốc là 548.800.000 đồng tính từ ngày 12/01/2022 (ngày ký nhận nợ) lãi suất phát sinh 18%/năm tạm tính từ ngày 12/01/2022 đến ngày xét xử. Xét thấy, đến hạn trả nợ ông Trần Thanh G không trả được nợ nên ông T có quyền yêu cầu ông Trần Thanh G ngoài việc thanh toán nợ gốc còn phải trả thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357, Điều 440 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Nguyên đơn trình bày lãi suất chậm trả thỏa thuận giữa hai bên là 3%/tháng, điều này đã có thể hiện trong Giấy công nợ ngày 12/01/2022 do ông T tự viết, cụ thể: “*Giang chịu tiếp lãi 3%/tháng từ 10/11 đến nay*”. Hội đồng xét xử xét thấy nếu dựa trên nội dung: “*Giang chịu tiếp lãi 3%/tháng từ 10/11 đến nay*” trên thì chỉ có thể khẳng định ông T và ông G có thỏa thuận lãi suất 3% từ ngày 10/11 (không rõ năm) đến ngày 12/01/2022 (ngày viết Giấy công nợ), không có căn cứ khẳng định ông T và ông G có thỏa thuận lãi suất chậm trả từ sau ngày 12/01/2022. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì với trường hợp trên lãi suất được xác định là 10%/năm (0,83%/tháng). Tuy nhiên, tại phiên tòa, đại diện của nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về tính lãi chỉ yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật (10%/năm) từ ngày 12/01/2022 đến ngày xét xử. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần yêu cầu tính lãi 8%/năm (18%/năm – 10%/năm) của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, đạo đức xã hội và có lợi cho bị đơn nên căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu tính lãi 8%/năm (18%/năm – 10%/năm) của nguyên đơn; Nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 12/01/2022 đến ngày xét xử (ngày 30/6/2022) là 05 tháng 18 ngày. Yêu cầu tính lãi của ông T là có căn cứ và được Hội đồng xét xử chấp nhận, theo đó, số tiền lãi ông Trần Thanh G phải trả cho ông T là 25.763.111 đồng (548.800.000 đồng x 0,83%/tháng x 05 tháng 18 ngày).

Như vậy, tổng số tiền nợ gốc và lãi ông Trần Thanh G phải trả cho ông T là 574.563.111 đồng, trong đó: tiền nợ gốc là 548.800.000 đồng, tiền lãi chậm trả tính từ ngày 12/01/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (30/6/2022) là 25.763.111 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải nộp toàn bộ án phí là 5% giá ngạch giá trị tài sản tranh chấp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp với nhận định nêu trên của Tòa án.

[5] Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 86, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 2 Điều 228, Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 430, Điều 440 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu tính lãi 8%/năm (18%/năm – 10%/năm) từ ngày 12/01/2022 đối với số tiền nợ gốc 548.800.000 đồng của nguyên đơn do đại diện nguyên đơn đã rút.

2/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn ông Trần Thanh G có trách nhiệm trả cho nguyên đơn ông Lê Minh T tổng số tiền nợ gốc và lãi là 574.563.111 đồng (*năm trăm bảy mươi bốn triệu, năm trăm sáu mươi ba ngàn, một trăm mười một đồng*), trong đó: tiền nợ gốc là 548.800.000 đồng, tiền lãi chậm trả tính từ ngày 12/01/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (30/6/2022) là 25.763.111 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (30/6/2022), bị đơn còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Trần Thanh G phải nộp 26.982.524 đồng (*hai mươi sáu triệu, chín trăm tám mươi hai ngàn, năm trăm hai mươi bốn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn ông Lê Minh T không phải chịu án phí nên được nhận lại 13.469.920 đồng (*mười ba triệu, bốn trăm sáu mươi chín ngàn, chín trăm hai mươi đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009096 ngày 07 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Thoại Sơn;
- Chi cục THADS huyện Thoại Sơn;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Cẩm Xuyên